



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG VĂN ĐẾN
Ngày 17 tháng 10 năm 2012

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN



BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 29

.....

324
CÓN
H KI
E/
IN
A'
VG

11/11/11

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN

Xã Bình Điền - Huyện Hương Trà - Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền (tên viết tắt là: Binh Dien HJSC) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 12 năm 2003. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh/dăng ký doanh nghiệp	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1	3103000073	12/01/2005
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 2	3300361563	29/10/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 3	3300361563	03/07/2009
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 4	3300361563	09/07/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5	3300361563	15/10/2012

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 150 tỷ đồng và thay đổi qua các lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất như sau:

	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh / đăng ký doanh nghiệp			
	Đăng ký lần đầu ngày 08/12/2003	Thay đổi lần thứ 3 ngày 03/07/2009	Thay đổi lần thứ 4 ngày 09/07/2010	Thay đổi lần thứ 5 ngày 15/10/2012
Cổ đông sáng lập				
Tổng Công ty Sông Đà	67.500.000.000	67.500.000.000	67.500.000.000	67.500.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO (trước đây là Công ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Minh)	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Tổng Công ty Cơ Điện Xây Dựng Nông Nghiệp và Thủy Lợi	22.500.000.000	22.500.000.000	22.500.000.000	22.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bắc Hà	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000	155.000.000.000	155.000.000.000

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Bình Điền - huyện Hương Trà - tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại : (054) 3 560 122 - (054) 3 560 124 Fax : (054) 3 560 228

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15 tháng 10 năm 2012 bao gồm:

- Sản xuất điện
- Tư vấn xây lắp các công trình điện, xây dựng điện, đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Kinh doanh điện
- Kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN

Xã Bình Điền - Huyện Hương Trà - Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty trong năm là vận hành và khai thác công trình Thủy điện Bình Điền tại tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2398 và 2399 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 28 tháng 7 năm 2005.

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 29).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng quản trị			
Ông Vũ Quang Hội	Chủ tịch	29/06/2009	-
Ông Vũ Tuấn Hùng	Ủy viên	29/06/2009	-
Ông Đồng Quốc Cường	Ủy viên	29/06/2009	-
Ông Lê Văn An	Ủy viên	29/06/2009	-
Ông Đinh Hữu Tấn	Ủy viên	01/04/2012	-
Ông Nguyễn Đức	Ủy viên	29/06/2009	01/04/2012
Ông Lâm Việt Hoàn	Ủy viên	29/06/2009	-

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Phúc	Trưởng ban	29/06/2009	-
Ông Hà Văn Hiếu	Thành viên	29/06/2009	-
Bà Trần Thị Thắm	Thành viên	05/06/2010	-

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Hải	Tổng Giám đốc	01/04/2012	-
Ông Đinh Hữu Tấn	Tổng Giám đốc	01/07/2009	01/04/2012
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2010	31/05/2012

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Quang Hải - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN

Xã Bình Điền - Huyện Hương Trà - Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Hải

Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 01 năm 2013

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1253 Quyển số: 02 TP/CT-SCT

30-09-2015

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG VINH NINH



Trần Thị Kim Cúc



Số : 004/2013/BCTC-FACKT

BẢN SAO

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 của Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Kính gửi :

**Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2013, từ trang 6 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn người đọc Báo cáo tài chính lưu ý đến thuyết minh II.1, Báo cáo tài chính này được lập và trình bày trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn lần lượt với số tiền là 98.354.219.213 đồng và 189.848.594.473 đồng. Vấn đề này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC Số chứng thư: 1253, Quyền số: 02, TP/CI-SCT

30-09-2015



CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG VINH NINH



(Handwritten signature)

Nguyễn Thịnh - Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0473/KTV

Khánh Hòa ngày 31 tháng 01 năm 2013

Nguyễn Minh Trí - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0982/KTV

Trần Thị Kim Cúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN SAO

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.369.583.182	28.818.939.920
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	6.559.409.191	1.594.323.679
1. Tiền	111		6.559.409.191	1.594.323.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.395.192.127	26.771.347.803
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 2	770.004.936	26.289.786.675
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 3	241.167.869	291.167.869
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 4	10.384.019.322	190.393.259
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		414.981.864	453.268.438
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV. 5	260.575.363	144.331.087
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 6	154.406.501	308.937.351

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		801.398.720.653	843.844.373.785
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		795.671.170.057	839.118.948.218
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 7	787.248.352.700	782.938.531.718
<i>Nguyên giá</i>	222		924.599.283.727	879.080.062.281
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(137.350.931.027)	(96.141.530.563)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		10.000.000	10.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.000.000)	(10.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 9	8.422.817.357	56.180.416.500
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.727.550.596	4.725.425.567
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 10	2.727.550.596	1.725.425.567
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V. 11	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	IV. 12	3.000.000.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		819.768.303.835	872.663.313.705

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN

Xã Bình Điền - Huyện Hương Trà - Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		01/01/2012	
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		717.304.176.382		734.659.649.317	
I. Nợ ngắn hạn	310		208.218.177.655		127.173.159.133	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 13	131.208.588.000		48.274.696.115	
2. Phải trả người bán	312	IV. 14	42.823.873.803		49.741.296.761	
3. Người mua trả tiền trước	313		-		-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 15	1.955.210.320		3.294.597.608	
5. Phải trả người lao động	315		1.745.765.894		2.463.208.483	
6. Chi phí phải trả	316	IV. 16	27.652.866.718		11.845.000.000	
7. Phải trả nội bộ	317		-		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 17	1.410.222.102		8.978.359.348	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 18	1.421.650.818		2.576.000.818	
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-		-	
II. Nợ dài hạn	330		509.085.998.727		607.486.490.184	
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333		-		-	
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV. 19	509.085.998.727		607.354.855.059	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV. 20	-		131.635.125	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-		-	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-		-	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-		-	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.464.127.453		138.003.664.388	
I. Vốn chủ sở hữu	410		102.464.127.453		138.003.664.388	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 21	155.000.000.000		155.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	IV. 21	200.000.000		200.000.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-		-	
4. Cổ phiếu quỹ	414		-		-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 21	1.312.455.028		1.312.455.028	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 21	1.404.926.541		1.404.926.541	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 21	(55.453.254.116)		(19.913.717.181)	
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-		-	
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-		-	
1. Nguồn kinh phí	432		-		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		819.768.303.835		872.653.313.705	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	31/12/2012	01/01/2012
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		589,98	10,00
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		589,98	10,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 01 năm 2013



Phạm Thị Thu Hương

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hải
Nguyễn Quang Hải
Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1.053, Quyển số: TP/CT-SCT

30-09-2015

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG VĨNH NINH



Trần Thị Kim Cúc

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BẢN SAO

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	88.639.377.439	117.726.501.688
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	88.639.377.439	117.726.501.688
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	51.515.660.371	52.223.239.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.123.717.068	65.503.262.277
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	994.673.672	454.936.411
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	66.187.007.212	70.150.076.904
Trong đó: chi phí lãi vay	23		65.653.038.819	67.232.719.874
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 5	7.670.201.184	7.605.259.442
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(35.738.817.656)	(11.797.137.658)
11. Thu nhập khác	31	V. 6	199.280.721	4.120.477
12. Chi phí khác	32		-	52.500.000
13. Lợi nhuận khác	40		199.280.721	(48.379.523)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(35.539.536.935)	(11.845.517.181)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(35.539.536.935)	(11.845.517.181)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V. 8	(2.293)	(765)

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 01 năm 2013

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1855. Quyền số: 02/TP/CT-SST

30-09-2015

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG VINH NHINH

Nguyễn Quang Hải
Tổng Giám đốc



Trần Thị Kim Cúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN SAO

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(35.539.536.935)	(11.845.517.181)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		41.209.400.464	40.855.168.319
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	1.767.613.039
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(609.097.222)	-
- Chi phí lãi vay	06		65.653.038.819	67.232.719.874
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		70.713.805.126	98.009.984.051
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25.689.783.748	5.629.279.666
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		149.346.277	470.494.869
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.118.369.305)	(161.730.492)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(49.868.295.283)	(65.021.960.986)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2.064.428.497
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.184.550.000)	(1.692.455.937)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.381.720.563	39.298.039.668
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.023.695.604)	(12.990.593.330)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.523.695.604)	(12.990.593.330)

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	4.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.334.964.447)	(29.258.952.759)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.557.975.000)	(153.025.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.892.939.447)	(25.411.977.759)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.965.085.512	895.468.579
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	1.594.323.679	698.855.100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	6.559.409.191	1.594.323.679

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 01 năm 2013

huong



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1253. Quyền số: 52 /TP/CT-SCT

Nguyễn Quang Hải
Tổng Giám đốc

30-09-2015

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG VINH NINH



Trần Thị Kim Cúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN SAO

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 12 năm 2003. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1	3103000073	12/01/2005
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 2	3300361563	29/10/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 3	3300361563	03/07/2009
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 4	3300361563	09/07/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5	3300361563	15/10/2012

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 150 tỷ đồng và thay đổi qua các lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất như sau:

	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp			
	Đăng ký lần đầu ngày 08/12/2003	Thay đổi lần thứ 3 ngày 03/07/2009	Thay đổi lần thứ 4 ngày 09/07/2010	Thay đổi lần thứ 5 ngày 15/10/2012
Cổ đông				
Tổng Công ty Sông Đà	67.500.000.000	67.500.000.000	67.500.000.000	67.500.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO (trước đây là Công ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Minh)	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Tổng Công ty Cơ Điện Xây Dựng Nông Nghiệp và Thủy Lợi	22.500.000.000	22.500.000.000	22.500.000.000	22.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bắc Hà	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000	155.000.000.000	155.000.000.000

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Bình Điền - huyện Hương Trà - tỉnh Thừa Thiên Huế.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 63 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 65 người).

2. Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Quang Hội	Chủ tịch	29/06/2009	-
Ông Vũ Tuấn Hưng	Thành viên	29/06/2009	-
Ông Đồng Quốc Cường	Thành viên	29/06/2009	-
Ông Lê Văn An	Thành viên	29/06/2009	-
Ông Đinh Hữu Tấn	Thành viên	01/04/2012	-
Ông Nguyễn Đức	Thành viên	29/06/2009	01/04/2012
Ông Lâm Viết Huân	Thành viên	29/06/2009	-

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Trong năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu giảm sút đáng kể so với năm trước. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn lần lượt với số tiền là 98.354.219.213 đồng và 189.848.594.473 đồng. Vấn đề này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty là có cơ sở, do dựa vào khả năng sinh lời và khả năng tạo ra nguồn tiền của hoạt động kinh doanh trong tương lai, sự hỗ trợ về mặt tài chính của các cổ đông và các bên liên quan của Công ty để thanh toán các khoản nợ đúng hạn.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

2. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung

4. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**1. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

5. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30 năm
- Máy móc và thiết bị	06-15 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

8. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các loại tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính niêm yết và không niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt tại quỹ	1.395.144.474	921.544.186
Tiền gửi ngân hàng	5.164.264.717	672.779.493
Cộng	6.559.409.191	1.594.323.679

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	770.004.936	26.289.786.675
Cộng	770.004.936	26.289.786.675

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2012	01/01/2012
Trả trước cho các nhà thầu về mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản	171.167.869	221.167.869
Trả trước cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	70.000.000	70.000.000
Cộng	241.167.869	291.167.869

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Điền Vital	240.000.000	-
Tiền Bảo hiểm xã hội phải thu người lao động	13.053.973	43.485.649
Các khoản phải thu khác	10.130.965.349	146.907.610
Cộng	10.384.019.322	190.393.259

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2012	Năm 2011
Tại ngày 01/01	144.331.087	163.394.475
Phát sinh tăng	435.834.880	422.244.175
Phát sinh giảm	319.590.604	441.307.563
Tại ngày 31/12	260.575.363	144.331.087

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng chi phí công tác cho cán bộ công nhân viên	150.806.501	305.337.351
Các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn	3.600.000	3.600.000
Cộng	154.406.501	308.937.351

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2012	564.910.898.502	312.714.269.022	1.167.978.927	286.915.830	879.080.062.281
Mua sắm mới	-	65.454.546	-	43.018.182	108.472.728
Đầu tư hoàn thành	26.326.361.154	19.084.387.564	-	-	45.410.748.718
Tại 31/12/2012	591.237.259.656	331.864.111.132	1.167.978.927	329.934.012	924.599.283.727
Trong đó đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	-	-	632.980.000	217.872.145	850.852.145
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2012	47.102.560.977	47.797.526.634	977.802.662	263.640.290	96.141.530.563
Trích khấu hao	19.949.936.749	21.171.315.466	65.936.948	22.211.301	41.209.400.464
Tại 31/12/2012	67.052.497.726	68.968.842.100	1.043.739.610	285.851.591	137.350.931.027
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2012	517.808.337.525	264.916.742.388	190.176.265	23.275.540	782.938.531.718
Tại 31/12/2012	524.184.761.930	262.895.269.032	124.239.317	44.082.421	787.248.352.700

Toàn bộ giá trị tài sản đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Thừa Thiên Huế và Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thừa Thiên Huế (xem thuyết minh số V.12 và V.18).

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình là phần mềm kế toán đã khấu hao hết.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2012	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2012
Xây dựng hạ tầng cơ sở khu Văn phòng tại thành phố Huế	8.422.817.357	-	-	8.422.817.357
Xây dựng Nhà máy giai đoạn II và khắc phục hậu quả cơn bão số 9	47.757.599.143	191.841.636	47.949.440.779	-
Cộng	56.180.416.500	191.841.636	47.949.440.779	8.422.817.357

10. Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2012	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2012
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư XDCB	1.544.631.687	-	525.701.641	1.018.930.046
Chi phí đầu tư giai đoạn II	-	1.767.538.500	58.917.950	1.708.620.550
Chi phí thiết bị tại văn phòng	180.793.880	-	180.793.880	-
Chi nhánh Hà Nội	180.793.880	-	180.793.880	-
Cộng	1.725.425.567	1.767.538.500	765.413.471	2.727.550.596

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản lỗ phát sinh năm 2011 và năm 2012 có thể được chuyển với số tiền là 55.453.254.116 VND được bù với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ước tính như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Lỗ phát sinh được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai	34.454.863.116	19.913.717.181
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm dự kiến được khấu trừ (thuế suất 10% và giảm 50%)	5%	5%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.722.743.156	995.685.859

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ được chuyển trên đây và Công ty đánh giá ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để khấu trừ.

12. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Kỳ quỹ xây dựng dự án khu Văn phòng và nhà ở tại thành phố Huế	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000

13. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2012	Vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Tại ngày 31/12/2012
Vay ngắn hạn	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Vital (a)	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh IV.19)	44.274.696.115	96.768.588.000	13.834.696.115	127.208.588.000
Agribank Thừa Thiên Huế	7.434.696.115	6.000.000.000	4.434.696.115	9.000.000.000
VDB Thừa Thiên Huế	36.840.000.000	90.768.588.000	9.400.000.000	118.208.588.000
Cộng	48.274.696.115	96.768.588.000	13.834.696.115	131.208.588.000

- (a) Khoản vay để bổ sung vốn cho Dự án xây dựng Văn phòng và nhà ở khu đô thị mới An Vân Dương tại Thành phố Huế. Khoản vay này có lãi suất là 19%/năm, thời hạn vay theo hợp đồng là 3 tháng.

14. Phải trả cho người bán

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Phải trả cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư sản cố định của Công ty	42.422.523.668	49.095.904.908
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6.06</i>	<i>10.334.057.125</i>	<i>11.290.580.438</i>
<i>Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam</i>	<i>9.698.997.620</i>	<i>9.704.132.261</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</i>	<i>3.525.165.457</i>	<i>3.525.165.457</i>
<i>Công ty Cổ phần Someco Sông Đà</i>	<i>3.108.042.918</i>	<i>3.381.460.931</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà</i>	<i>2.759.277.556</i>	<i>4.259.277.556</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 19</i>	<i>2.393.654.307</i>	<i>3.349.469.476</i>
<i>Xí nghiệp Sông Đà 10.2 - Công ty Sông Đà 10</i>	<i>2.358.703.176</i>	<i>2.545.120.837</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04</i>	<i>2.308.998.729</i>	<i>2.688.218.949</i>
<i>Công ty Cổ phần LiLaMa7</i>	<i>1.657.897.899</i>	<i>2.006.942.105</i>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	<i>1.075.684.147</i>	<i>1.520.742.729</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 17</i>	<i>1.059.371.891</i>	<i>1.369.594.912</i>
<i>Công ty OM Metals LTD</i>	<i>827.788.032</i>	<i>1.116.318.316</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long</i>	<i>508.429.460</i>	<i>508.429.460</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Xây dựng Sông Đà</i>	<i>38.725.191</i>	<i>38.725.191</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6</i>	-	<i>260.629.070</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>767.730.160</i>	<i>1.531.097.220</i>
Phải trả cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty	401.350.135	645.391.853
Cộng	<u>42.823.873.803</u>	<u>49.741.296.761</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	<u>01/01/2012</u>	<u>Số thuế phải nộp</u>	<u>Số thuế đã nộp</u>	<u>31/12/2012</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.740.931.177	10.537.370.485	11.013.461.823	1.264.839.839
Thuế thu nhập cá nhân	28.892.217	632.926.385	389.411.852	272.406.750
Thuế tài nguyên	1.524.774.214	3.526.298.128	4.633.108.611	417.963.731
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>3.294.597.608</u>	<u>14.699.594.998</u>	<u>16.038.982.286</u>	<u>1.955.210.320</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.13 và thuyết minh V.7

Thuế tài nguyên

Hoạt động khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước là 2%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

16. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí lãi vay phải trả	27.584.743.536	11.800.000.000
Chi phí vận hành nhà máy	68.123.182	-
Trích trước các khoản chi phí khác	-	45.000.000
Cộng	27.652.866.718	11.845.000.000

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Vital (tiền lãi vay)	1.100.950.000	340.950.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	164.584.042	78.746.984
Kinh phí công đoàn	57.884.060	27.146.578
Cổ tức chưa chi trả	39.000.000	7.596.975.000
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO	-	123.806.144
Các khoản khác	47.804.000	810.734.642
Cộng	1.410.222.102	8.978.359.348

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Năm 2012	Năm 2011
Số dư tại 01/01	2.576.000.818	2.876.404.336
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	479.964.664
Tăng từ nguồn khác	30.200.000	-
Chi khen thưởng, phúc lợi	(1.184.550.000)	(780.368.182)
Số dư tại 31/12	1.421.650.818	2.576.000.818

19. Vay và nợ dài hạn

	VDB Thừa Thiên Huế (a)	Agribank Thừa Thiên Huế (b)	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	450.210.041.799	157.144.813.260	607.354.855.059
Trả nợ trong năm	1.500.268.332	-	1.500.268.332
Chuyển sang nợ đến hạn trả năm sau	90.768.588.000	6.000.000.000	96.768.588.000
Số dư tại ngày 31/12/2012	357.941.185.467	151.144.813.260	509.085.998.727

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn như sau:

(a) Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Thừa Thiên Huế (VDB Thừa Thiên Huế) theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 168/HĐTĐ ngày 28 tháng 02 năm 2005 để thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Bình Điền, lãi suất 6,6%/năm. Thời gian vay: 9 năm, thời gian ân hạn 3 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng số 01/2005/TDNN ngày 26 tháng 09 năm 2005 để thực hiện dự án thủy điện Bình Điền, lãi suất 1,7%/năm. Thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn 3 năm. Công ty bắt đầu trả nợ từ tháng 09 năm 2008. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế (Agribank Thừa Thiên Huế) theo hợp đồng số 01/2005/HĐTD-DH-ĐTT ngày 24 tháng 01 năm 2005 để thực hiện dự án Thủy điện Bình Điền. Thời hạn vay 12 năm, lãi suất bằng lãi suất huy động vốn của các ngân hàng thương mại tại thời điểm vay cộng 3.65%/năm. Công ty sẽ bắt đầu trả nợ vào tháng 10 năm 2009. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm 2012	Năm 2011
Số dư tại 01/01	131.635.125	65.047.860
Số trích trong năm	67.645.596	69.084.690
Số chi trong năm	-	2.497.425
Số hoàn nhập trong năm	199.280.721	-
Số dư tại 31/12	-	131.635.125

21. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế
Tại 01/01/2011	155.000.000.000	200.000.000	(584.908.822)	850.097.463	850.097.463	1.178.951.307
Hoàn lại chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá năm trước	-	-	584.908.822	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm 2011	-	-	-	-	-	(11.845.517.181)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	462.357.565	554.829.078	(1.497.151.307)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(7.750.000.000)
Tại 31/12/2011	155.000.000.000	200.000.000	-	1.312.455.028	1.404.926.541	(19.913.717.181)
Tại 01/01/2012	155.000.000.000	200.000.000	-	1.312.455.028	1.404.926.541	(19.913.717.181)
Lợi nhuận sau thuế năm 2012	-	-	-	-	-	(35.539.536.935)
Tại 31/12/2011	155.000.000.000	200.000.000	-	1.312.455.028	1.404.926.541	(55.453.254.116)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
Cổ đông		
Tổng Công ty Sông Đà	67.500.000.000	67.500.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO (trước đây là Công ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Minh)	45.000.000.000	45.000.000.000
Tổng Công ty Cơ Điện Xây Dựng Nông Nghiệp và Thủy Lợi	22.500.000.000	22.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bắc Hà	15.000.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	155.000.000.000	155.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN

Xã Bình Điền - Huyện Hương Trà - Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.500.000	15.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.500.000	15.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	15.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.500.000	15.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	15.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Tổng doanh thu	88.639.377.439	117.726.501.688
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	88.639.377.439	117.726.501.688
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm điện	88.639.377.439	117.726.501.688

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Giá vốn của thành phẩm điện	51.515.660.371	52.223.239.411
Cộng	51.515.660.371	52.223.239.411

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	697.876.636	68.752.926
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	296.797.036	386.183.485
Cộng	994.673.672	454.936.411

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Chi phí lãi vay	65.653.038.819	67.232.719.874
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.767.613.039
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	533.968.393	1.149.743.991
Cộng	66.187.007.212	70.150.076.904

002
 Y
 00A
 NH
 NG
 KHA

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN

Xã Bình Điền - Huyện Hương Trà - Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí cho nhân viên	4.714.473.640	5.395.966.352
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	353.171.523	331.681.987
Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.875.892	225.261.944
Thuế, phí và lệ phí	79.655.925	105.236.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	906.541.206	675.913.121
Chi phí khác bằng tiền	1.378.482.998	871.199.349
Cộng	7.670.201.184	7.605.259.442

6. Thu nhập khác

	Năm 2012	Năm 2011
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	199.280.721	-
Các khoản thu nhập khác	-	4.120.477
Cộng	199.280.721	4.120.477

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm tài chính 2012 là năm thứ tư Công ty được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(35.539.536.935)	(11.845.517.181)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.084.673.819	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(34.454.863.116)	(11.845.517.181)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.539.536.935)	(11.845.517.181)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(35.539.536.935)	(11.845.517.181)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.500.000	15.489.984
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.293)	(765)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.500.000	15.489.984
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.500.000	15.489.984



9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.308.353.114	697.936.738
Chi phí nhân công	9.565.879.707	10.304.489.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.209.400.464	40.855.168.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.605.442.901	1.346.782.331
Chi phí khác bằng tiền	5.496.785.369	6.624.121.666
Cộng	59.185.861.555	59.828.498.853

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty liên kết (sở hữu 20,60% và đại diện quyền sở hữu cho cổ đông khác sở hữu 22,95% vốn điều lệ)
Các Công ty do Tổng Công ty Sông Đà kiểm soát	
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6.06</i>	<i>Chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty Sông Đà</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây Lắp và Đầu Tư Sông Đà</i>	<i>Chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty Sông Đà</i>
<i>Công ty Cổ phần Someco Sông Đà</i>	<i>Chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty Sông Đà</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04</i>	<i>Chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty Sông Đà</i>
<i>Xí nghiệp Sông Đà 10.2 - Công ty Sông Đà 10</i>	<i>Chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty Sông Đà</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 19</i>	<i>Chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty Sông Đà</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long</i>	<i>Chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty Sông Đà</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</i>	<i>Chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty Sông Đà</i>
<i>Công ty Cổ phần Tư Vấn Sông Đà</i>	<i>Chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty Sông Đà</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 17</i>	<i>Chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty Sông Đà</i>
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO (trước đây là Công ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Minh)	Công ty liên kết (sở hữu 25,26% và đại diện cho cổ đông khác sở hữu 3,77% vốn điều lệ)
Tổng Công ty Cơ Điện Xây Dựng Nông Nghiệp và Thủy Lợi	Công ty liên kết (sở hữu 4,97% và đại diện quyền sở hữu cho cổ đông khác sở hữu 9,55% vốn điều lệ)
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bắc Hà	Công ty liên kết (sở hữu 4,74% và đại diện quyền sở hữu cho cổ đông khác sở hữu 4,94% vốn điều lệ)
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2012	Năm 2011
Tổng Công ty Sông Đà		
Cổ tức phải trả	-	3.375.000.000
Chi trả tiền cổ tức	3.370.000.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN

Xã Bình Điền - Huyện Hương Trà - Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2012	Năm 2011
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO (trước đây là Công ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Minh)		
Vay ngắn hạn	-	1.000.000.000
Cổ tức phải trả	-	2.250.000.000
Chi trả tiền cổ tức	2.150.000.000	100.000.000
Chuyển trả tiền vay ngắn hạn	-	1.000.000.000
Chuyển trả tiền thuê văn phòng và phí dịch vụ	404.274.320	-
Thuê văn phòng	280.468.206	-
Giao dịch khác	10.109.097.222	-
Tổng Công ty Cơ Điện Xây Dựng Nông Nghiệp và Thủy Lợi		
Cổ tức phải trả	-	1.125.000.000
Chi trả tiền cổ tức	1.125.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư Bắc Hà		
Cổ tức phải trả	-	750.000.000
Chi trả tiền cổ tức	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.06		
Giá trị công trình thi công	-	110.689.120
Chuyển trả tiền thi công	922.782.819	500.000.000
Điều chỉnh giảm giá trị thi công	33.740.494	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp và Đầu Tư Sông Đà		
Chuyển trả tiền thi công	1.500.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà		
Chuyển trả tiền thi công	273.418.013	500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 19		
Chuyển trả tiền thi công	955.815.169	-
Giá trị công trình thi công	-	1.450.115.245
Xí nghiệp Sông Đà 10.2 - Công ty Sông Đà 10		
Chuyển trả tiền thi công	186.417.661	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04		
Chuyển trả tiền thi công	379.220.220	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
Chuyển trả tiền thi công	260.629.070	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 17		
Chuyển trả tiền thi công	310.221.021	-
Giá trị công trình thi công	-	1.225.143.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Sông Đà		
Chuyển trả tiền thi công	445.058.582	-
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Phụ cấp và thù lao	684.000.000	581.400.000
Tiền lương	939.661.273	660.282.732
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương và phụ cấp	458.702.170	438.690.113

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN

Xã Bình Điền - Huyện Hương Trà - Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	31/12/2012	01/01/2012
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO (trước đây là Công ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Minh)	10.109.097.222	-
Cộng nợ phải thu	10.109.097.222	-
Phải trả tiền cổ tức được chia		
Tổng Công ty Sông Đà	-	3.375.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO (trước đây là Công ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Minh)	-	2.250.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Bắc Hà	-	367.500.000
Phải trả tiền thi công xây lắp các nhà thầu (thuyết minh IV.14)		
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.06	10.334.057.125	11.290.580.438
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	3.525.165.457	3.525.165.457
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	3.108.042.918	3.381.460.931
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	2.759.277.556	4.259.277.556
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	2.393.654.307	3.349.469.476
Xí nghiệp Sông Đà 10.2 - Công ty Sông Đà 10	2.358.703.176	2.545.120.837
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	2.308.998.729	2.688.218.949
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.075.684.147	1.520.742.729
Công ty Cổ phần Sông Đà 17	1.059.371.891	1.369.594.912
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	508.429.460	508.429.460
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	260.629.070
Phải trả khác (thuyết minh IV.17)		
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO (trước đây là Công ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Minh)	-	123.806.144
Cộng nợ phải trả	29.431.384.766	40.814.995.959

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, kỳ quỹ cho mục đích đầu tư, các khoản cho vay, các khoản vay ngân hàng. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty còn có nhiều tài sản tài chính khác như các khoản phải thu thương mại, tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (cho vay) của mình như tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Do hiện tại sản phẩm của Công ty chỉ bán duy nhất một khách hàng là Tổng Công ty Mua bán điện Việt Nam nên rủi ro tín dụng tập trung vào một khách hàng này. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty thường xuyên theo dõi số dư nợ khoản phải thu của khách hàng này và tìm cách để sớm thu hồi các khoản phải thu tồn đọng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2012				
Các khoản vay và nợ	48.274.696.115	445.334.352.000	162.020.503.059	655.629.551.174
Phải trả người bán	49.741.296.761	-	-	49.741.296.761
Chi phí phải trả	11.845.000.000	-	-	11.845.000.000
Các khoản phải trả khác	8.978.359.348	-	-	8.978.359.348
Cộng	118.839.352.224	445.334.352.000	162.020.503.059	726.194.207.283
Tại ngày 31/12/2012				
Các khoản vay và nợ	131.208.588.000	466.052.352.000	43.033.646.727	640.294.586.727
Phải trả người bán	42.823.873.803	-	-	42.823.873.803
Chi phí phải trả	27.652.866.718	-	-	27.652.866.718
Các khoản phải trả khác	1.410.222.102	-	-	1.410.222.102
Cộng	203.095.550.623	466.052.352.000	43.033.646.727	712.181.549.350

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là khá lớn. Tổng Giám đốc đánh giá rằng, Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, từ nguồn hỗ trợ của Chủ sở hữu và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	01/12/2012	31/12/2012	01/12/2012
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.559.409.191	1.594.323.679	6.559.409.191	1.594.323.679
Phải thu khách hàng	770.004.936	26.289.786.675	770.004.936	26.289.786.675
Các khoản phải thu khác	13.538.425.823	3.499.330.610	13.538.425.823	3.499.330.610
Cộng	20.867.839.950	31.383.440.964	20.867.839.950	31.383.440.964

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	01/12/2012	31/12/2012	01/12/2012
Các khoản vay và nợ	640.294.586.727	655.629.551.174	640.294.586.727	655.629.551.174
Phải trả người bán	42.823.873.803	49.741.296.761	42.823.873.803	49.741.296.761
Chi phí phải trả	27.652.866.718	11.845.000.000	27.652.866.718	11.845.000.000
Các khoản phải trả khác	3.155.987.996	11.573.202.956	3.155.987.996	11.573.202.956
Cộng	713.927.315.244	728.789.050.891	713.927.315.244	728.789.050.891

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký quỹ cho mục đích đầu tư, các khoản cho vay, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.



4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn - Chi nhánh Nha Trang.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Công ty không xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Số chứng thực: 1253, Quyền số: 02/TP/CT-SCT

30-09-2015

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Huong
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG VĨNH NINH
Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

shant
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN
Nguyễn Quang Hải
Tổng Giám đốc

Trần Thị Kim Lúe

